

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 9 - 2020.
V/v “Tranh chấp kiện ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Đoàn Thị Huệ.
- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.
- Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1987.
 - Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984.
- Đều có địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
Tại phiên tòa có mặt chị Mai, anh Đại.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Có đăng ký kết hôn ngày 08/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là phường L) thành phố P, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên rượu chè về nhà đánh đập vợ con vào ban đêm thậm chí đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà và quá trình đó diễn ra thường xuyên nên chị

và hai con đã ra ngoài thuê nhà ở riêng từ tháng 10 năm 2019 đến nay đồng thời từ đó đến nay vợ chồng chị cũng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 07/11/2006 (con trai) và Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/2014 (con trai). Hiện nay hai con chung đang ở với chị và do chị chăm sóc, nuôi dưỡng hàng ngày. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về con nuôi, con riêng: Không có.

Hiện tại chị M không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Về điều kiện, thời gian và địa điểm kết hôn như chị M trình bày là hoàn toàn đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, cách sống dẫn tới việc chị M tự ý đưa hai con chung ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng từ năm 2019 đến nay và vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị M xin ly hôn thì anh không đồng ý và chị M có muốn về sinh sống cùng anh thì phải về nhà xin phép anh tử tế thì anh mới cho vào nhà.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 07/11/2006 (con trai) và Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/2014 (con trai). Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nhưng với điều kiện hai con chung phải về xin phép anh và về sinh sống cùng anh, dưới sự chỉ đạo, quản lý của anh chứ không được lang thang ngoài đường.

Về con nuôi, con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Tiến Đ1 có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ Phạm Thị M.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị M vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung chị xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Về con nuôi, con riêng; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ không đồng ý ly hôn, nếu ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tại phiên tòa theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị M. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/2014 (con trai). Giao anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 07/11/2006 (con trai). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về con nuôi, con riêng: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ đóng góp khác: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

* Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung giữa chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

[1] Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 7 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân

xã L (nay là phường Liêm C), thành phố P, tỉnh Hà Nam nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị M, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị M và anh Đ chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung, thời gian vài năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn hai bên đưa ra cơ bản là phù hợp và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 10 năm 2019 đến nay, thời gian sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc đến ai nữa, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và HĐXX đã phân tích, khuyên bảo chị M về đoàn tụ, nhưng chị M vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh Đ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh Đ thực sự căng thẳng và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ trở lại sống hạnh phúc như xưa nên yêu cầu của chị M xin được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 54, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng cùng thống nhất có hai con chung là Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 07/11/2006 (con trai) và Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/2014 (con trai). Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của chị M và anh Đ, HĐXX thấy rằng: Về mặt kinh tế, chỗ ở, điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con chung của chị M và anh Đ đều đảm bảo cho hai con chung. Cháu Nguyễn Tiến Đ có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng xét về độ tuổi thì cháu T nhỏ hơn cháu Đ1 nên cần có sự chăm sóc của mẹ hơn. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Văn T, giao anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Tiến Đ1, không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con chung mà người không trực tiếp nuôi dưỡng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị M không có thai nghén gì.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Chị M và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 143; 144; 147; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn Đ.

2/ Về con chung: Giao chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/2014 (con trai); giao anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 07/11/2006 (con trai). Không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

Con nuôi, con riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị M không có thai nghén gì.

3/ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung khác: Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000đ được đối trừ với số tiền là 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004511 ngày 03/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Án xử công khai sơ thẩm, chị M, anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND phường L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Duy